



Mã số mẫu/ Sample Code:  
00671.26

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Customer : NHÀ MÁY NƯỚC TRÀ NÓC  
2. Địa chỉ/ Address : 12A KCN Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ  
3. Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC SINH HOẠT (tại nhà máy)  
4. Số lượng/ Quantity : 1 chai x 1000ml và 1 chai x 250ml  
5. Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu nguyên vẹn  
6. Ngày nhận mẫu/ Receiving date : 16/03/2026 Ngày trả kết quả/ Issued date : 25/3/2026

TT/ No.	Chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method	Tiêu chuẩn/ Standard
1	Coliform tổng số (*)	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*)	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Màu sắc	CTU	< 5,0	SMEWW 2120 C:2023	15
4	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
5	pH (*)	-	7,35 (24,3°C)	TCVN 6492:2011	Trong khoảng 6,0-8,5
6	Độ đục (*)	NTU	0,52	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
8	Clo dư tự do	mg/L	0,52	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
9	Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/L	< 0,09	EPA 350.2(1997)	1
10	Permanganat (*)	mg/L	0,64	TCVN 6186:1996	2

**Nhận xét:** "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm  
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh My

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM  
On behalf of CDC



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Văn Thêm

- (\*): Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
- Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ
- Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"

Trang: 1 / 1



Mã số mẫu/ Sample Code:  
00672.26

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Customer : NHÀ MÁY NƯỚC TRÀ NÓC  
2. Địa chỉ/ Address : 12A KCN Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ  
3. Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC SINH HOẠT (Công phụ KDC Trà Nóc)  
4. Số lượng/ Quantity : 1 chai x 1000ml và 1 chai x 250ml  
5. Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu nguyên vẹn  
6. Ngày nhận mẫu/ Receiving date : 16/03/2026 Ngày trả kết quả/ Issued date : 25/3/2026

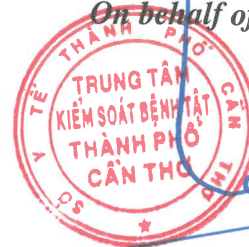
TT/ No.	Chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method	Tiêu chuẩn/ Standard
1	Coliform tổng số (*)	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*)	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Màu sắc	TCU	< 5,0	SMEWW 2120 C:2023	15
4	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
5	pH (*)	-	7,33 (24,0°C)	TCVN 6492:2011	Trong khoảng 6,0-8,5
6	Độ đục (*)	NTU	0,42	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
8	Clo dư tự do	mg/L	0,4	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
9	Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/L	< 0,09	EPA 350.2(1997)	1
10	Permanganat (*)	mg/L	0,80	TCVN 6186:1996	2

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm  
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh Mỹ

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM  
On behalf of CDC



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Văn Thêm

Trang: 1 / 1



Mã số mẫu/ Sample Code:  
00673.26

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Customer : NHÀ MÁY NƯỚC TRÀ NÓC  
2. Địa chỉ/ Address : 12A KCN Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ  
3. Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC SINH HOẠT (555 QL 91, p. Phước Thới)  
4. Số lượng/ Quantity : 1 chai x 1000ml và 1 chai x 250ml  
5. Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu nguyên vẹn  
6. Ngày nhận mẫu/ Receiving date : 16/03/2026 Ngày trả kết quả/ Issued date : 25/3/2026

TT/ No.	Chi tiêu/ Parameter	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method	Tiêu chuẩn/ Standard
1	Coliform tổng số (*)	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*)	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Màu sắc	CTU	< 5,0	SMEWW 2120 C:2023	15
4	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
5	pH (*)	-	7,32 (24,0°C)	TCVN 6492:2011	Trong khoảng 6,0-8,5
6	Độ đục (*)	NTU	0,44	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
8	Clo dư tự do	mg/L	0,3	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
9	Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/L	< 0,09	EPA 350.2(1997)	1
10	Permanganat (*)	mg/L	0,80	TCVN 6186:1996	2

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm  
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh My

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM  
On behalf of CDC



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Văn Thêm

1. (\*): Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ  
2. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử  
3. Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ  
4. Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"

Trang: 1 / 1



Mã số mẫu/ Sample Code:  
00674.26

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Customer : NHÀ MÁY NƯỚC TRÀ NÓC  
2. Địa chỉ/ Address : 12A KCN Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ  
3. Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC SINH HOẠT (KDC Nam Hải, p. Thới An Đông)  
4. Số lượng/ Quantity : 1 chai x 1000ml và 1 chai x 250ml  
5. Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu nguyên vẹn  
6. Ngày nhận mẫu/ Receiving date : 16/03/2026 Ngày trả kết quả/ Issued date : 25/3/2026

TT/ No.	Chi tiêu/ Parameter	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method	Tiêu chuẩn/ Standard
1	Coliform tổng số (*)	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*)	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Màu sắc	CTU	< 5,0	SMEWW 2120 C:2023	15
4	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
5	pH (*)	-	7,31 (24,9°C)	TCVN 6492:2011	Trong khoảng 6,0-8,5
6	Độ đục (*)	NTU	0,67	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Arsenic (As) (*)	mg/L	< 0,003	TCVN 6626:2000	0,01
8	Clo dư tự do	mg/L	0,25	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
9	Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/L	< 0,09	EPA 350.2(1997)	1
10	Permanganat (*)	mg/L	0,96	TCVN 6186:1996	2

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm  
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh My

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM  
On behalf of CDC



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Văn Thêm

1. (\*): Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ  
2. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử  
3. Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ  
4. Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"

Trang: 1 / 1



Mã số mẫu/ Sample Code:  
00729.26

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Customer : NHÀ MÁY NƯỚC Ô MÔN  
2. Địa chỉ/ Address : Kim Đồng, phường Ô Môn, thành phố Cần Thơ  
3. Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC SINH HOẠT (tại nhà máy)  
4. Số lượng/ Quantity : 1 chai x 1000ml và 1 chai x 250ml  
5. Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu nguyên vẹn  
6. Ngày nhận mẫu/ Receiving date : 17/03/2026 Ngày trả kết quả/ Issued date : 26/3/2026

TT/ No.	Chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method	Tiêu chuẩn/ Standard
1	Coliform tổng số (*)	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*)	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Màu sắc	TCU	< 5,0	SMEWW 2120 C:2023	15
4	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
5	pH (*)	-	7,54 (24,6°C)	TCVN 6492:2011	Trong khoảng 6,0-8,5
6	Độ đục (*)	NTU	0,18	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
8	Clo dư tự do	mg/L	0,55	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
9	Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/L	< 0,09	EPA 350.2(1997)	1
10	Permanganat (*)	mg/L	0,64	TCVN 6186:1996	2

**Nhận xét:** "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm  
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh My

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM  
On behalf of CDC



PHÓGIÁM ĐỐC  
Hà Tấn Vinh

1. (\*): Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ  
2. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử  
3. Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ  
4. Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"

Trang: 1 / 1



Mã số mẫu/ Sample Code:  
00730.26

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Customer : NHÀ MÁY NƯỚC Ô MÔN  
2. Địa chỉ/ Address : Kim Đồng, phường Ô Môn, thành phố Cần Thơ  
3. Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC SINH HOẠT (83 đường 3/2, Ô Môn)  
4. Số lượng/ Quantity : 1 chai x 1000ml và 1 chai x 250ml  
5. Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu nguyên vẹn  
6. Ngày nhận mẫu/ Receiving date : 17/03/2026 Ngày trả kết quả/ Issued date : 26/3/2026

TT/ No.	Chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method	Tiêu chuẩn/ Standard
1	Coliform tổng số (*)	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*)	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Màu sắc	TCU	< 5,0	SMEWW 2120 C:2023	15
4	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
5	pH (*)	-	7,62 (24,0°C)	TCVN 6492:2011	Trong khoảng 6,0-8,5
6	Độ đục (*)	NTU	0,22	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
8	Clo dư tự do	mg/L	0,4	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
9	Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/L	< 0,09	EPA 350.2(1997)	1
10	Permanganat (*)	mg/L	0,64	TCVN 6186:1996	2

**Nhận xét:** "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm  
Officer in charge of laboratory

ThS. Văn Quốc Thanh Thủy

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM  
On behalf of CDC



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Hà Tấn Vinh

- (\*) : Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1) : Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
- Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ
- Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"

Trang: 1 / 1



Mã số mẫu/ Sample Code:  
00731.26

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Customer : NHÀ MÁY NƯỚC Ô MÔN  
2. Địa chỉ/ Address : Kim Đồng, phường Ô Môn, thành phố Cần Thơ  
3. Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC SINH HOẠT (16 Lê Văn Tám, Ô Môn)  
4. Số lượng/ Quantity : 1 chai x 1000ml và 1 chai x 250ml  
5. Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu nguyên vẹn  
6. Ngày nhận mẫu/ Receiving date : 17/03/2026 Ngày trả kết quả/ Issued date : 26/3/2026

TT/ No.	Chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method	Tiêu chuẩn/ Standard
1	Coliform tổng số (*)	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*)	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Màu sắc	TCU	< 5,0	SMEWW 2120 C:2023	15
4	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
5	pH (*)	-	7,67 (23,8°C)	TCVN 6492:2011	Trong khoảng 6,0-8,5
6	Độ đục (*)	NTU	0,29	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
8	Clo dư tự do	mg/L	0,3	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
9	Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/L	< 0,09	EPA 350.2(1997)	1
10	Permanganat (*)	mg/L	0,48	TCVN 6186:1996	2

**Nhận xét:** "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm  
Officer in charge of laboratory

ThS. Văn Quốc Thanh Thủy

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM

On behalf of CDC



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Hà Tấn Vinh

1. (\*): Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ  
2. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử  
3. Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ  
4. Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"

Trang: 1 / 1



SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT  
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION



Mã số mẫu/ Sample Code:  
**00655.26**

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Customer : TRẠM CẤP NƯỚC THỚI LAI  
2. Địa chỉ/ Address : Ấp Thới Thuận B, xã Thới Lai, thành phố Cần Thơ  
3. Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC SINH HOẠT (tại trạm)  
4. Số lượng/ Quantity : 1 chai x 1000ml và 1 chai x 250ml  
5. Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu nguyên vẹn  
6. Ngày nhận mẫu/ Receiving date : 13/03/2026 Ngày trả kết quả/ Issued date : 24/3/2026

TT/ No.	Chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method	Tiêu chuẩn/ Standard
1	Coliform tổng số (*)	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*)	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Màu sắc	TCU	< 5,0	SMEWW 2120 C:2023	15
4	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
5	pH (*)	-	7,17 (20,8°C)	TCVN 6492:2011	Trong khoảng 6,0-8,5
6	Độ đục (*)	NTU	0,17	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
8	Clo dư tự do	mg/L	1,0	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
9	Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/L	< 0,09	EPA 350.2(1997)	1
10	Permanganat (*)	mg/L	0,64	TCVN 6186:1996	2

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm  
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh My

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM  
On behalf of CDC



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Văn Thêm

1. (\*): Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ  
2. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử  
3. Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ  
4. Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"

Trang: 1 / 1



SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT  
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION



Mã số mẫu/ Sample Code:  
00656.26

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

1. Tên khách hàng/ Customer : TRẠM CẤP NƯỚC THỚI LAI  
2. Địa chỉ/ Address : Ấp Thới Thuận B, xã Thới Lai, thành phố Cần Thơ  
3. Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC SINH HOẠT (ấp Thới Thuận A, xã Thới Lai)  
4. Số lượng/ Quantity : 1 chai x 1000ml và 1 chai x 250ml  
5. Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu nguyên vẹn  
6. Ngày nhận mẫu/ Receiving date : 13/03/2026 Ngày trả kết quả/ Issued date : 24/3/2026

TT/ No.	Chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method	Tiêu chuẩn/ Standard
1	Coliform tổng số (*)	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*)	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Màu sắc	TCU	< 5,0	SMEWW 2120 C:2023	15
4	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
5	pH (*)	-	7,20 (20,4°C)	TCVN 6492:2011	Trong khoảng 6,0-8,5
6	Độ đục (*)	NTU	0,21	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
8	Clo dư tự do	mg/L	0,4	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
9	Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/L	0,08	EPA 350.2(1997)	1
10	Permanganat (*)	mg/L	0,80	TCVN 6186:1996	2

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm  
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh My

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM  
On behalf of CDC



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Văn Thêm

Trang: 1 / 1



Mã số mẫu/ Sample Code:  
00657.26

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Customer : TRẠM CẤP NƯỚC THỚI LAI  
2. Địa chỉ/ Address : Ấp Thới Thuận B, xã Thới Lai, thành phố Cần Thơ  
3. Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC SINH HOẠT (ấp Thới Thuận B, xã Thới Lai)  
4. Số lượng/ Quantity : 1 chai x 1000ml và 1 chai x 250ml  
5. Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu nguyên vẹn  
6. Ngày nhận mẫu/ Receiving date : 13/03/2026 Ngày trả kết quả/ Issued date : 24/3/2026

TT/ No.	Chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method	Tiêu chuẩn/ Standard
1	Coliform tổng số (*)	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*)	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Màu sắc	TCU	< 5,0	SMEWW 2120 C:2023	15
4	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
5	pH (*)	-	7,21 (20,8°C)	TCVN 6492:2011	Trong khoảng 6,0-8,5
6	Độ đục (*)	NTU	0,13	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
8	Clo dư tự do	mg/L	0,3	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
9	Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/L	< 0,09	EPA 350.2(1997)	1
10	Permanganat (*)	mg/L	0,64	TCVN 6186:1996	2

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm  
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh My

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM  
On behalf of CDC



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Văn Thêm

1. (\*): Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ  
2. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử  
3. Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ  
4. Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"

Trang: 1 / 1



SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT  
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION



Mã số mẫu/ Sample Code:  
00652.26

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

1. Tên khách hàng/ Customer : NHÀ MÁY NƯỚC CỜ ĐỎ  
2. Địa chỉ/ Address : Ấp Thạnh Hưng, xã Thạnh Phú, thành Phố Cần Thơ  
3. Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC SINH HOẠT (tại nhà máy)  
4. Số lượng/ Quantity : 1 chai x 1000ml và 1 chai x 250ml  
5. Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu nguyên vẹn  
6. Ngày nhận mẫu/ Receiving date : 13/03/2026 Ngày trả kết quả/ Issued date : 24/3/2026

TT/ No.	Chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method	Tiêu chuẩn/ Standard
1	Coliform tổng số (*)	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*)	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Màu sắc	TCU	< 5,0	SMEWW 2120 C:2023	15
4	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
5	pH (*)	-	7,12 (20,2°C)	TCVN 6492:2011	Trong khoảng 6,0-8,5
6	Độ đục (*)	NTU	0,91	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
8	Clo dư tự do	mg/L	0,53	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
9	Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/L	0,08	EPA 350.2(1997)	1
10	Permanganat (*)	mg/L	0,80	TCVN 6186:1996	2

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm  
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh My

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM  
On behalf of CDC



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Văn Thêm

Trang: 1 / 1



SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT  
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION



Mã số mẫu/ Sample Code:  
00653.26

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

1. Tên khách hàng/ Customer : NHÀ MÁY NƯỚC CỜ ĐỎ  
2. Địa chỉ/ Address : Ấp Thạnh Hưng, xã Thạnh Phú, thành Phố Cần Thơ  
3. Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC SINH HOẠT (18 Nguyễn Văn Nhung, ấp Thới Hòa A)  
4. Số lượng/ Quantity : 1 chai x 1000ml và 1 chai x 250ml  
5. Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu nguyên vẹn  
6. Ngày nhận mẫu/ Receiving date : 13/03/2026 Ngày trả kết quả/ Issued date : 24/3/2026

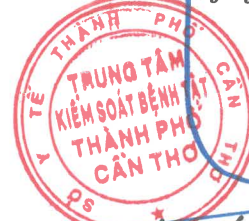
TT/ No.	Chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method	Tiêu chuẩn/ Standard
1	Coliform tổng số (*)	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*)	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Màu sắc	TCU	< 5,0	SMEWW 2120 C:2023	15
4	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
5	pH (*)	-	7,13 (20,3°C)	TCVN 6492:2011	Trong khoảng 6,0-8,5
6	Độ đục (*)	NTU	0,40	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
8	Clo dư tự do	mg/L	0,3	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
9	Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/L	0,10	EPA 350.2(1997)	1
10	Permanganat (*)	mg/L	0,80	TCVN 6186:1996	2

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm  
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh Mỹ

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM  
On behalf of CDC



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Văn Thêm

1. (\*): Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ  
2. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử  
3. Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ  
4. Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"

Trang: 1 / 1



SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT  
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION



Mã số mẫu/ Sample Code:  
00654.26

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

1. Tên khách hàng/ Customer : NHÀ MÁY NƯỚC CỜ ĐỎ  
2. Địa chỉ/ Address : Ấp Thạnh Hưng, xã Thạnh Phú, thành Phố Cần Thơ  
3. Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC SINH HOẠT (tỉnh lộ 919, ấp Thới Bình)  
4. Số lượng/ Quantity : 1 chai x 1000ml và 1 chai x 250ml  
5. Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu nguyên vẹn  
6. Ngày nhận mẫu/ Receiving date : 13/03/2026 Ngày trả kết quả/ Issued date : 24/3/2026

TT/ No.	Chi tiêu/ Parameter	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method	Tiêu chuẩn/ Standard
1	Coliform tổng số (*)	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*)	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Màu sắc	TCU	< 5,0	SMEWW 2120 C:2023	15
4	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
5	pH (*)	-	7,12 (20,2°C)	TCVN 6492:2011	Trong khoảng 6,0-8,5
6	Độ đục (*)	NTU	0,30	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
8	Clo dư tự do	mg/L	0,2	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
9	Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/L	0,13	EPA 350.2(1997)	1
10	Permanganat (*)	mg/L	0,80	TCVN 6186:1996	2

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm  
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh My

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM  
On behalf of CDC



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Văn Thêm

1. (\*): Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ  
2. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử  
3. Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ  
4. Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"

Trang: 1 / 1